BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Số: 1916 /QĐ-ĐHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 của Trường Đại học Đồng Tháp (Thi ngày 02, 03/10/2021)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28/7/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-ĐHĐT ngày 21/02/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1915 /QĐ-ĐHĐT ngày 14 /10 /2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc công bố điểm chuẩn tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của các chuyên ngành tuyển sinh năm 2021, kỳ thi ngày 02, 03/10/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 178 (*một trăm bảy mươi tám*) thí sinh có tên trong danh sách đính kèm đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021, thi ngày 02, 03/10/2021 của Trường Đại học Đồng Tháp.

Điều 2. Những thí sinh có tên trong danh sách ghi tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi của học viên ghi trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Vụ Giáo dục Đại học;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH (T).

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Lương Thanh Tân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH
Đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 của Trường Đại học Đồng Tháp
(Thi ngày 02, 03/10/2021)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1916 /QĐ-ĐHĐT ngày 14 /10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành
Khối ngành I				
1	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	01/09/1984	Quản lý giáo dục
2	Thái Vũ	Dương	18/11/1982	Quản lý giáo dục
3	Nguyễn Hữu	Duyên	27/07/1980	Quản lý giáo dục
4	Lê Long	Hải	22/08/1978	Quản lý giáo dục
5	Bùi Trung	Hậu	25/11/1976	Quản lý giáo dục
6	Nguyễn Văn	Hậu	27/10/1984	Quản lý giáo dục
7	Cao Trung	Kiên	21/02/1990	Quản lý giáo dục
8	Nguyễn Thị	Nhanh	20/10/1977	Quản lý giáo dục
9	Võ Văn	Nhiên	16/04/1981	Quản lý giáo dục
10	Thị Út	Nhung	19/12/1988	Quản lý giáo dục
11	Phan Thị Hoàng	Oanh	12/06/1978	Quản lý giáo dục
12	Nguyễn Tấn	Phước	29/05/1976	Quản lý giáo dục
13	Phạm Văn	Tâm	01/01/1972	Quản lý giáo dục
14	Hồ Tuyết	Thà	16/05/1986	Quản lý giáo dục
15	Nguyễn Trung	Thành	05/02/1979	Quản lý giáo dục
16	Trần Văn	Thành	27/12/1976	Quản lý giáo dục
17	Nguyễn Hoàng Anh	Thảo	29/06/1987	Quản lý giáo dục
18	Trần Thị	Thu	01/01/1976	Quản lý giáo dục
19	Phạm Thị Bích	Thuỷ	20/01/1978	Quản lý giáo dục
20	Nguyễn Thị Thu	Tiên	22/08/1981	Quản lý giáo dục
21	Bùi Văn	Toàn	1981	Quản lý giáo dục
22	Lê Thanh	Toàn	13/07/1982	Quản lý giáo dục

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành
23	Cao Phương	Trâm	05/11/1978	Quản lý giáo dục
24	Nguyễn Minh	Tuấn	20/06/1977	Quản lý giáo dục
25	Trần Quốc	Tuấn	22/12/1979	Quản lý giáo dục
26	Lê Thị Bích	Tuyền	16/04/1981	Quản lý giáo dục
27	Đặng Tiểu	Bình	12/11/1991	Quản lý giáo dục
28	Lưu Thị Kim	Chi	26/12/1984	Quản lý giáo dục
29	Nguyễn Thị Hồng	Chị	08/05/1988	Quản lý giáo dục
30	Lê Thùy	Dương	25/08/1988	Quản lý giáo dục
31	Lê Thị Cẩm	Hà	18/06/1983	Quản lý giáo dục
32	Nguyễn Lê Nhi	Hân	30/12/1982	Quản lý giáo dục
33	Trần Thị Thúy	Hằng	15/06/1981	Quản lý giáo dục
34	Võ Khắc	Hiếu	16/10/1976	Quản lý giáo dục
35	Trần Thị Bích	Hồng	22/11/1979	Quản lý giáo dục
36	Huỳnh Thị Xuân	Lan	02/07/1975	Quản lý giáo dục
37	Lê Thị Trúc	Linh	26/12/1989	Quản lý giáo dục
38	Tiêu Thanh	Hậu	04/01/1983	Quản lý giáo dục
39	Bùi Hải	Minh	29/09/1979	Quản lý giáo dục
40	Nguyễn Hậu	Nghĩa	30/04/1980	Quản lý giáo dục
41	Trần Thị Kim	Ngọc	21/6/1974	Quản lý giáo dục
42	La Thị Hồng	Nhan	20/11/1979	Quản lý giáo dục
43	Trần Thị Hồng	Nhung	20/06/1981	Quản lý giáo dục
44	Đoàn Lê Bảo	Phương	26/11/1986	Quản lý giáo dục
45	Huỳnh Văn	Tây	05/04/1986	Quản lý giáo dục
46	Đinh Văn	Thanh	04/09/1985	Quản lý giáo dục
47	Võ Thị Lan	Thanh	08/06/1985	Quản lý giáo dục
48	Phan Thị Ngọc	Thi	01/04/1979	Quản lý giáo dục
49	Đỗ Thị Thanh	Thúy	21/11/1989	Quản lý giáo dục
50	Lê Thị	Thúy	14/09/1983	Quản lý giáo dục
51	Đỗ Thị Lệ	Trinh	28/06/1982	Quản lý giáo dục
52	Lê Ngọc	Tuyền	10/10/1984	Quản lý giáo dục
53	Huỳnh Thanh	Bình	21/11/1977	Quản lý giáo dục

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành
54	Nguyễn Hoàng	Diệu	25/12/1979	Quản lý giáo dục
55	Võ Mĩ	Duyên	14/07/1991	Quản lý giáo dục
56	Nguyễn Văn	Đại	18/3/1979	Quản lý giáo dục
57	Trần Quang	Điện	01/9/1978	Quản lý giáo dục
58	Nguyễn Thanh	Giàu	28/8/1978	Quản lý giáo dục
59	Lê Thị	Hiếu	19/11/1983	Quản lý giáo dục
60	Phạm Kim	Hồng	15/08/1976	Quản lý giáo dục
61	Lê Thanh	Khởi	09/11/1976	Quản lý giáo dục
62	Trương Thanh	Liêm	19/09/1980	Quản lý giáo dục
63	Lê Thị	Lụa	22/04/1985	Quản lý giáo dục
64	Nguyễn Văn Châu	Minh	20/01/1981	Quản lý giáo dục
65	Nguyễn Lệ	Nghi	08/08/1982	Quản lý giáo dục
66	Châu Thị Thùy	Phương	10/11/1977	Quản lý giáo dục
67	Lê Chí	Phương	10/07/1981	Quản lý giáo dục
68	Vũ Trường	Sinh	24/05/1976	Quản lý giáo dục
69	Trương Kèn	Sủ	31/07/1978	Quản lý giáo dục
70	Lâm Công	Toại	22/02/1982	Quản lý giáo dục
71	Nguyễn Hùng	Tuấn	01/12/1980	Quản lý giáo dục
72	Nguyễn Thị Phương	Uyên	07/08/1983	Quản lý giáo dục
73	Nguyễn Quyết	Chiến	01/03/1987	Giáo dục Tiểu học
74	Lý Hồng	Duyên	19/12/1991	Giáo dục Tiểu học
75	Lê Trúc	Đào	14/06/1997	Giáo dục Tiểu học
76	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	09/05/1997	Giáo dục Tiểu học
77	Dương Thị Thuỷ	Hồng	04/07/1983	Giáo dục Tiểu học
78	Huỳnh Thị Trúc	Huê	14/11/1983	Giáo dục Tiểu học
79	Nguyễn Hồng	Khang	12/07/1996	Giáo dục Tiểu học
80	Bùi Kim	Liên	26/07/1989	Giáo dục Tiểu học
81	Bùi Thị Phương	Linh	12/04/1996	Giáo dục Tiểu học
82	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	08/08/1988	Giáo dục Tiểu học
83	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	15/12/1996	Giáo dục Tiểu học
84	Từ Thị Thanh	Ngân	23/07/1978	Giáo dục Tiểu học

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành
85	Hồ Thị Huỳnh	Như	20/07/1995	Giáo dục Tiểu học
86	Nguyễn Thị Phương	Nhung	10/02/1984	Giáo dục Tiểu học
87	Đặng Văn	Phúc	06/12/1988	Giáo dục Tiểu học
88	Biện Thị Thanh	Phượng	20/09/1976	Giáo dục Tiểu học
89	Thạch Thị Tha	Ri	04/01/1991	Giáo dục Tiểu học
90	Bùi Văn	Sum	1977	Giáo dục Tiểu học
91	Tạ Thị Cẩm	Thu	26/08/1993	Giáo dục Tiểu học
92	Võ Huyền	Trang	02/01/1995	Giáo dục Tiểu học
93	Đặng Thanh	Tú	23/10/1997	Giáo dục Tiểu học
94	Lê Thị Hải	Vân	29/04/1988	Giáo dục Tiểu học
95	Trần Thị Hồng	Vân	28/12/1994	Giáo dục Tiểu học
96	Trần Thế	Vinh	01/08/1990	Giáo dục Tiểu học
97	La Thị Ngọc	Ý	29/08/1994	Giáo dục Tiểu học
98	Bùi Thị Hải	Yến	19/04/1981	Giáo dục Tiểu học
99	Đào Thị Mỹ	Dung	10/01/1985	Giáo dục Tiểu học
100	Lý Trung	Út	04/09/1982	Giáo dục Tiểu học
101	Nguyễn Ngọc	Bảo	10/05/1991	LL&PPDH BM Toán
102	Phan Hữu	Danh	15/04/1998	LL&PPDH BM Toán
103	Trần Nguyễn Minh	Đăng	24/11/1982	LL&PPDH BM Toán
104	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	1985	LL&PPDH BM Toán
105	Nguyễn Bảo	Khen	24/08/1985	LL&PPDH BM Toán
106	Đào Thị Diễm	Kiều	09/01/1984	LL&PPDH BM Toán
107	Trần Quản	Lộ	01/01/1982	LL&PPDH BM Toán
108	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	17/05/1989	LL&PPDH BM Toán
109	Nguyễn Văn	Nhơn	20/10/1985	LL&PPDH BM Toán
110	Huỳnh Phú	Sĩ	29/04/1988	LL&PPDH BM Toán
111	Nguyễn Thành	Tấn	12/10/1981	LL&PPDH BM Toán
112	Dương Thị Thu	Thảo	15/01/1980	LL&PPDH BM Toán
113	Huỳnh Văn	Thật	25/09/1997	LL&PPDH BM Toán
114	Phạm Thị Cẩm	Thu	05/01/1998	LL&PPDH BM Toán
115	Lâm Thành	Toản	01/07/1982	LL&PPDH BM Toán

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành
116	Phan Hiếu	Trung	21/01/1977	LL&PPDH BM Toán
117	Lê Ngọc	Vũ	18/06/1989	LL&PPDH BM Toán
118	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	13/03/1986	LL&PPDH BM Toán
119	Huỳnh Thị	Diễm	26/12/1987	LL&PPDH BM Toán
120	Huỳnh Việt	Dương	16/11/1993	LL&PPDH BM Toán
121	Nguyễn Nam	Hà	21/04/1980	LL&PPDH BM Toán
122	Nguyễn Lê Bảo	Hân	19/06/1997	LL&PPDH BM Toán
123	Nguyễn Như	Hoá	10/04/1978	LL&PPDH BM Toán
124	Nguyễn Thị	Hồng	02/06/1982	LL&PPDH BM Toán
125	Phạm Văn	Quân	17/11/1981	LL&PPDH BM Toán
126	Đỗ Hoài	Phương	10/03/1983	LL&PPDH BM Toán
127	La Chí	Thiện	09/11/1989	LL&PPDH BM Toán
128	Nguyễn Chí	Thức	01/01/1998	LL&PPDH BM Toán
129	Nguyễn Thị	Tiên	19/08/1981	LL&PPDH BM Toán
130	Huỳnh Bảo	Trúc	03/10/1997	LL&PPDH BM Toán
131	Lê Minh	Tuấn	09/03/1997	LL&PPDH BM Toán
132	Nguyễn Văn	Út	11/10/1982	LL&PPDH BM Toán
133	Tôn Thị Cẩm	Thơm	27/03/1982	LL&PPDH BM Toán
Khối ngành IV				
134	Trần Tuyết	Hồng	1981	Hóa lí thuyết và hóa lí
135	Nguyễn Thanh	Hùng	25/04/1983	Hóa lí thuyết và hóa lí
136	Huỳnh Thị Cẩm	Hường	15/09/1983	Hóa lí thuyết và hóa lí
137	Trương Phạm Thế	Huy	17/09/1991	Hóa lí thuyết và hóa lí
138	Nguyễn Văn	Kiệt	13/10/1985	Hóa lí thuyết và hóa lí
139	Nguyễn Hải	Long	01/06/1988	Hóa lí thuyết và hóa lí
140	Trần Thị Hồng	Ngân	23/06/1992	Hóa lí thuyết và hóa lí
141	Bùi Văn	Ngoãn	01/01/1988	Hóa lí thuyết và hóa lí
142	Võ Thanh	Tấn	01/01/1982	Hóa lí thuyết và hóa lí
143	Nguyễn Ngọc	Trâm	30/06/1981	Hóa lí thuyết và hóa lí
144	Nguyễn Hoàng	Triều	10/01/1979	Hóa lí thuyết và hóa lí
145	Phạm Điền	Trung	12/06/1977	Hóa lí thuyết và hóa lí

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành
146	Huỳnh Thị Tú	Anh	26/03/1981	Hóa lí thuyết và hóa lí
147	Phạm Bích	Cẩn	12/09/1983	Hóa lí thuyết và hóa lí
148	Huỳnh Văn	Cường	12/09/1978	Hóa lí thuyết và hóa lí
149	Phan Thanh	Dọn	11/10/1982	Hóa lí thuyết và hóa lí
150	Ngô Trần Trung	Hậu	24/08/1984	Hóa lí thuyết và hóa lí
151	Triệu Thị Mỹ	Loan	01/07/1979	Hóa lí thuyết và hóa lí
152	Đào Thị Thanh	Trung	28/05/1979	Hóa lí thuyết và hóa lí
153	Lê Công	Trường	29/09/1983	Hóa lí thuyết và hóa lí
154	Phan Văn	Tuấn	09/09/1982	Hóa lí thuyết và hóa lí
155	Tô Quốc	Vinh	08/09/1982	Hóa lí thuyết và hóa lí
156	Nguyễn Văn	Xuyên	22/10/1982	Hóa lí thuyết và hóa lí
157	Huỳnh Phương	Linh	12/07/1978	Hóa lí thuyết và hóa lí
158	Lâm Văn	Khoa	13/02/1980	Hóa lí thuyết và hóa lí
Khối ngành VII				
159	Mai Thị Thanh	Hằng	27/08/1987	Ngôn ngữ Việt Nam
160	Trịnh Thị	Hợp	09/08/1991	Ngôn ngữ Việt Nam
161	Dương	Khuê	12/12/1987	Ngôn ngữ Việt Nam
162	Đặng Trọng	Nhân	30/04/1997	Ngôn ngữ Việt Nam
163	Bùi Minh Dạ	Thảo	01/10/1990	Ngôn ngữ Việt Nam
164	Nguyễn Hữu	Trung	16/10/1982	Ngôn ngữ Việt Nam
165	Trương Hồng	Vân	18/12/1983	Ngôn ngữ Việt Nam
166	La Thị Ngọc	Bích	09/09/1984	Lich sử Việt Nam
167	Trương Hồng	Cẩm	15/12/1979	Lich sử Việt Nam
168	Trần Mộc	Cẩn	02/11/1981	Lich sử Việt Nam
169	Nguyễn Thị Tường	Diễm	13/11/1978	Lich sử Việt Nam
170	Nguyễn Ngọc	Dũng	25/10/1988	Lich sử Việt Nam
171	Trần Văn	Đạt	12/08/1991	Lich sử Việt Nam
172	Bùi Thị Thu	Hoài	01/06/1992	Lich sử Việt Nam
173	Huỳnh Văn	Hùng	29/10/1980	Lich sử Việt Nam
174	Đào Thị Trầm	Hương	23/06/1988	Lich sử Việt Nam
175	Nguyễn Văn	Ký	06/06/1977	Lich sử Việt Nam

TT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Chuyên ngành
176	Phạm Hữu	Lánh	28/06/1981	Lich sử Việt Nam
177	Ngô Thị Kim	Liên	07/08/1980	Lich sử Việt Nam
178	Nguyễn Thị	Như	1985	Lich sử Việt Nam

Ấn định danh sách có 178 (một trăm bảy mươi tám) thí sinh trúng tuyển./.